

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

THƯ MỜI

V/v cung ứng thuốc phục vụ nhà thuốc bệnh viện

Hiện nay, Bệnh viện đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội đang tiến hành xây dựng danh mục thuốc bán tại Nhà thuốc bệnh viện năm 2025

Để đảm bảo tốt nhất cho hoạt động khám chữa bệnh cũng như công tác điều trị theo yêu cầu tại Bệnh viện, Bệnh viện kính mời các công ty có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo biểu mẫu đính kèm) để Bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng.

Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thuốc (Phụ lục 01 đính kèm).
- Các giấy tờ yêu cầu:
 - Báo giá của thuốc cung cấp (Đầy đủ thông tin như mẫu biểu (Phụ lục 02 đính kèm)) và kèm theo các tài liệu sau:
 - Hồ sơ pháp lý của công ty:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (Bản sao công chứng)
 - Giấy chứng nhận GSP, GDP, GACP, GMP (nếu có tùy theo loại hình kinh doanh) (Bản sao công chứng)
 - Bản cam kết về chất lượng hàng hóa, giá và cung ứng sản phẩm (Phụ lục 3)
 - Hồ sơ sản phẩm (sắp xếp theo từng sản phẩm)

- Giấy phép lưu hành sản phẩm/ quyết định cấp đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hặc cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Quyết định trúng thầu hoặc thông báo trúng thầu hoặc hợp đồng tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc theo Quyết định trúng thầu mua sắm tập trung cấp địa phương, cấp quốc gia trong thời gian còn hiệu lực tính tại thời điểm ký kết hợp đồng ít nhất là 03 tháng. Trong trường hợp đơn vị báo giá không phải là nhà trúng thầu theo Quyết định hoặc Hợp đồng đã cung cấp thì phải có giấy Ủy quyền sử dụng Quyết định hoặc Hợp đồng nêu trên.

- Ba hóa đơn bán hàng trong vòng 12 tháng tại cơ sở y tế công lập

Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.

Nơi tiếp nhận hồ sơ: Nhà thuốc bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội

Địa chỉ: Số 8 Phạm Hùng, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến hết ngày 30/05/2025

Mọi thắc mắc xin liên hệ: DS. Lê Đình Khoa; điện thoại: 0979.903.062

Rất mong sự hợp tác từ Quý Công ty.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu NTBV



TRẦN QUỐC HÙNG

Phụ lục 1: Danh mục thuốc xin báo giá

(Kèm theo thư mời ngày 20/05/2025 của bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Acetylcystein	1,2	100mg; 200mg	uống	Viên, thuốc cốm, bột pha	gói; viên	
2	Acetyllecine	1	500mg	Uống	Viên nén	Viên	
3	Acetyllecine	1	500mg/5ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Ống	
4	Acid alpha lipoic	4	200mg	Uống	viên	Viên	
5	Acid amin + Điện giải	1	250ml/5%	Truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	
6	Acid Amin + Glucose + Lipid	2	(11,3% + 11% + 20%)/960ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Túi	
7	Acid folic	4	5mg	Uống	Viên	Viên	
8	Acid Fructose-1,6	1,2,3,4,5	5g	Truyền	Bột pha tiêm, Dung dịch tiêm	Lọ	
9	Acid salicylic + Betamethason dipropionat	4	(3% + 0,064%); 15g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp	
10	Acid salycilic	1,2,3,4,5	80%	Dùng ngoài	Gel/Kem/Thuốc mỡ	Tuýp/Chai/Lọ	
11	Acid salycilic	1,2,3,4,5	5%	Dùng ngoài	Gel/Kem/Thuốc mỡ	Tuýp/Chai/Lọ	
12	Acid Tranexamic	1,2,3,4,5	250mg, 500mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	
13	Acid tranxemic	1	250mg; 500mg	uống	Viên nén bao phim	viên	
14	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm	1	85mg + 64mg + 6,4mg	uống	Viên bao phim	viên	
15	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm	1	170mg + 128mg + 13,6mg	uống	Viên nang	viên	
16	Activated Attapulgit of Mormoiron + Aluminum hydroxide and magnesium carbonate co-dried gel	1,4	2,5g + 0,5	uống	Bột pha hỗn dịch uống	gói	
17	Acyclovir	2	800mg	uống	Viên	Viên	
18	Adapalene	1,2,3,4,5	0,10%	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Tuýp	
19	Adapalene + acid salycilic	1,2,3,4,5	0,10%	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Tuýp	
20	Adapalene + clindamycin	1,2,3,4,5	0,10%	Dùng ngoài	Gel bôi ngoài da	Tuýp	
21	Albumin	1	200g/l	Truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	
22	Albumin + IgG + IgM+IgA	1	(31mg + 7mg + 0,5mg+1,4mg)/ml; 50ml	Truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	
23	Alendronic acid	1,2,3,4,5	70mg	Uống	Viên	Viên	
24	Alfuzosin HCl	BDG,2	5mg, 10mg	Uống	Viên	Viên	

25	Almagat	2	1500mg	uống	Hỗn dịch uống	Gói	
26	Alphachymotrypsin	1,2	21microkatala; 4,2mg	Uống	Viên nén	Viên	
27	Alverin citrat	1	40mg, 60mg	Uống	Viên	Viên	
28	Ambroxol	4	30mg/5ml	Uống	Siro, Dung dịch uống	ống	
29	Amoxicilin + Acid Clavulanic	1	600mg + 42,9mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Chai	
30	Amoxicillin	1	250mg; 500mg	uống	Viên, hỗn dịch uống	gói; viên	
31	Amoxicillin + Acid clavulanic	BDG	500 + 62,5 mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	
32	Amoxicillin + Acid clavulanic	BDG	250mg + 31,25mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	
33	Arginin hydroclorid	4	500mg/5ml	uống	Dung dịch uống	ống	
34	Atorvastatin	1,2	20mg	Uống	Viên	Viên	
35	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 20 mg; Ezetimibe 10 mg	4	20mg+10mg	Viên nén bao phim, uống	Viên nén bao phim	Viên	
36	Axit acetylsalicylic	2	81mg	Uống	Viên	Viên	
37	Azithromycin	1,2	250mg, 500mg	Uống	Viên, bột pha	Viên, gói	
38	Bambuterol hydroclorid	1	10mg	Uống	Viên	Viên	
39	Betahistine dihydrochloride	1,2	16mg, 24mg	uống	viên nén	viên	
40	Betamethasone 0,5mg	1,2,3,4,5	0,5mg	uống	Viên	viên	
41	Betamethasone, Clotrimazol, Gentamicin	2	10g	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Tuýp	
42	Bilastine	1,4	20mg	uống	Viên nén	Viên	
43	Biphenyl dimethyl dicarboxylate	1,2,3,4,5	25mg	uống	Viên nén	viên	
44	Bismuth	1,2,3,4,5	120mg	Uống	Viên nén	Viên	
45	Bismuth	4	300mg	Uống	Viên nén	Viên	
46	Calci carbonat + vitamin D3	4	1500mg+0,01mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
47	Calci clorid	4	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	
48	Calci lactat pentahydrat	1,2,3,4	500mg	Uống	Dung dịch uống	Ống	
49	Calcitonin Salmon	1	50IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	
50	Calcium Citrate, Cholecalciferol	1,2,3,4,5	750mg + 4mg	Uống	Viên nén	Viên	
51	Calcium glubionate, Calcium lactobionate	4	Mỗi ống 5ml chứa: Calcium glubionate 1469,30mg; Calcium lactobionate 319,91mg	Uống	Dung dịch	Ống	

52	Cam thảo, Cát cánh, Chi xác, Đào nhân, Dương quy, Hồng hoa, Ngưu tất, Sài hồ, Sinh địa, Xuyên khung, Xích thược	3	340mg, 520mg, 700mg, 1400mg, 1040, 1040mg, 1040mg, 340mg, 1040mg, 520mg, 700mg.	Uống	Viên nang cứng	Viên	
53	Cao actiso, Cao Rau đắng, Cao Bìm Bìm	1	170mg + 128mg + 13,6mg	uống	Viên nang mềm	viên	
54	Cao Ginkgo biloba	2	17,5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	
55	Cao khô đinh lăng; Cao khô Bạch quả	3	300mg;100mg	Uống	Thuốc cốm	Gói	
56	Cao khô đinh lăng; Cao khô Bạch quả	2	150mg + 5mg	Uống	Viên nén	viên	
57	Cao khô lá bạch quả	1	80mg	uống	Viên nang cứng	Viên	
58	Carbamazepin	1,3,4	200mg	Uống	viên nén	Viên	
59	Cefalexin	1	500mg	uống	Viên nang cứng	viên	
60	Cefdinir	4	(250mg/5ml)/50ml	uống	Bột pha hỗn dịch uống	Lọ	
61	Cefdinir 300mg	2	300 mg	Uống	Viên nén	Viên	
62	Cefpodoxime	1,2,3,4	200mg	Uống	viên	Viên	
63	Cefuroxime	BDG,1,2,3,4,5	125mg;125mg/5ml; 250mg; 500mg	uống	viên, hỗn dịch uống	viên, gói	
64	Celecoxib	1,2	200mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	
65	Cinnarizin	1	25mg	Uống	Viên nén	Viên	
66	Ciprofloxacin	1,2	500mg	Truyền	Dung dịch tiêm truyền	Lọ/Chai	
67	Ciprofloxacin	1	500mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	
68	Clarithromycin	BDG,1	250mg, 500mg	Uống	Viên	viên	
69	Clarithromycin	2	500mg	uống	viên nén	viên	
70	Clopidogrel	1,2,3,4,5	75mg	Uống	viên nén	Viên	
71	Clopidogrel, Acetylsalicylic acid	1,2,3,4,5	75mg/100mg	uống	viên nén	Viên	
72	Clorhexidin (Chlorhexidine), Manitol, Menthol, Natri Hydroxyd, Natri Florua (Natri Fluoride/Sodium Fluoride)	1,2,3,4,5	250ml	Súc miệng	Dung dịch dùng ngoài (nước súc miệng)	Chai	
73	Cloroquin	1,2,3,4,5	250mg	Uống	Viên nén	Viên	
74	Clorpheniramin	4	4mg	Uống	Viên nén	Viên	
75	Clorua benzalkonium + Choline Salicylate	1,2,3,4,5	10ml	Bôi	Gel, Kem bôi ngoài da	Tuýp, lọ	
76	Clotrimazole	1,2,3,4,5	500mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Viên	
77	Cotrimoxazol	1,2,3,4,5	480 mg	Uống	Viên nén	Viên	
78	Cytidin monophosphat disodium, Uridin monophosphat disodium	BDG,1	5mg + 3mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	

79	Chiết xuất lá Ginkgo biloba)	1	80mg	uống	Viên nén	viên	
80	Chlorhexidine Digluconate + Menthol – edta	1,2,3,4,5	250ml	Súc miệng	Dung dịch dùng ngoài (nước súc miệng)	Chai	
81	Dabigatran etexilate	4	150mg	uống	viên nang	viên	
82	Dapagliflozin	BDG,1,2,3,4,5	5mg, 10mg	Uống	Viên nén	Viên	
83	Desloratadine	1,2,3,4,5	0.5mg/ml, 2.5mg/5ml	uống	Hỗn dịch uống, Siro	lọ siro/ống	
84	Desogestrel + Ethinylestradiol	1,2,3,4,5	0,15mg/0,03mg	Uống	Viên nén	Viên	
85	Dexlansoprazol	2	30 mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	
86	Diclofenac	BDG	100 mg	Đặt trực tràng	Viên đạn	Viên	
87	Diclofenac natri	1	Mỗi 25g chứa diclofenac natri 1g	Xịt ngoài da	Dùng ngoài	Chai	
88	Diclofenac sodium	5	1g/100ml	Xịt ngoài da	Dùng ngoài	Chai	
89	Digoxin	1,2,4	0,25mg	Uống	Viên nén	Viên	
90	Diosmectide	1	3g	uống	Bột pha hỗn dịch uống	gói	
91	Diphenhydramin	4	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	
92	Doxazosin	2	2mg	Uống	viên nén	Viên	
93	Doxycyclin	1,4	100mg	uống	Viên nang cứng	Viên	
94	Drotaverine	BDG	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	ống	
95	Dutasteride	2	0,5mg	uống	viên nang	viên	
96	Dydrogesterone	BDG,1	10mg	Uống	viên nén	Viên	
97	Enalapril	1,2,3,4	10mg	Uống	Viên nén	Viên	
98	Eperisone	1,2,3,4,5	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
99	Epinephrin (adrenalin)	4	1mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	
100	Esomeprazol	1,2,3,4	20mg	Uống	Viên	Viên	
101	Estradiol valerate	1	2 mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	
102	Ezetimib	3	10mg	Uống	Viên nén	Viên	
103	Ezetimibe; Rosuvastatin (dưới dạng rosuvastatin calci)	4	10mg+10 mg	Uống	Viên nén bao phim	viên	
104	Febuxostat	2	40 mg	Uống	Viên nén	Viên	
105	Felodipin	1	5mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên	
106	Fenofibrat	2	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	
107	Fenticonazol nitrat	4	600mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Viên	
108	Fexofenadine HCL	1,2,3,4,5	60mg/5ml	uống	Siro	Lọ	
109	Fexofenadine HCL	1,2,3,4,5	30mg, 60mg,	uống	Viên nén	viên	
110	Fexofenadine hydrochloride	2	180mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	

111	Fluconazole	1,2,3,4,5	150mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	
112	Flumetholon	BDG	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	
113	Fluticason furoat	BDG,1	27,5 mcg/ liều xịt	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Bình	
114	Fluticasone furoate + Umeclidinium + Vilanterol	1	100mcg + 62,5mcg + 25mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Hộp	
115	Fosfomycin natri	4	30mg/1ml	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	lọ	
116	Furosemid	1,2,3,4	10mg/ml x 2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	
117	Furosemid	1	40mg	uống	Viên nén	viên	
118	Gabapentin	1	400mg	uống	viên nang	viên	
119	Gliclazid	BDG,1	30mg	uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Viên	
120	Gliclazid	BDG,1	60mg	uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Viên	
121	Glucosaminsulfat	1,2,3,4	250mg, 500mg,1500mg	Uống	Viên nén, viên nang, bột	Viên, gói	
122	Glucose	4	10%/500ml	Tiêm, truyền	Dung dịch tiêm	Chai	
123	Glucose	4	20%/500ml	Tiêm, truyền	Dung dịch tiêm	Chai	
124	Glucose	4	30%/5ml	Tiêm, truyền	Dung dịch tiêm	ống	
125	Glycerol	4	6,75g/9g	thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	Ống	
126	Glyceryl trinitrat (Nitrglycerin)	1	5mg/1,5ml	Tiêm, truyền	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	ống	
127	HCQ	1,2,3,4,5	200mg	Uống	Viên nén	Viên	
128	Huyết thanh uốn ván	4	1500UI	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	ống	
129	Hydrocortisol	4	10mg	Uống	Viên nén	Viên	
130	Hydrocortisol	1,4	1%	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	
131	Hydrogel; Menthol	1,2,3,4,5		Dùng ngoài	Miếng dán ngoài da	miếng	
132	Ibuprofen	4	100mg/10ml	uống	Hỗn dịch uống	lọ, ống	
133	Imiquimod	1,2,3,4,5	5%	Dùng ngoài	Kem	Gói	
134	Intraconazole	1,2,3,4,5	100mg	uống	Viên nén	Viên	
135	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	1	0,500mg + 2,500mg	Khí dung	Dung dịch khí dung	ống	
136	Ipratropium bromide khan (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Fenoterol Hydrobromide	BDG,1	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	Xịt	Dung dịch khí rung	Ống, lọ, bình	

137	Isotretinoin	2,4	10mg,20mg	uống	viên nang	viên	
138	Itoprid hydrochlorid	3	50mg	uống	Viên nén	viên	
139	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride)	BDG	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
140	Kali clorid	1	600mg	uống	Viên nén giải phóng chậm	viên	
141	Kali clorid	4	10%/5ml	Tiêm, truyền	Dung dịch tiêm	ống	
142	Kẽm Gluconat	4	70mg	uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	gói	
143	Kẽm oxyd	1,2,3,4,5	10%	Dùng ngoài	Gel/Kem/Thuốc mỡ	Tuýp/Chai/Lọ	
144	Ketonazole	2	20mg	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	
145	Ketonazole	1,2,3,4,5	1%	tắm gội	Dung dịch	Chai	
146	L- Citrulline DL- Malate 1000mg	4	1000mg	Uống	Thuốc cốm	gói	
147	Lactobacillus acidophilus, Bacillus Subtillis, Streptococcus faecalis, Enzyme amylase, Enzyme maltase, Pepsin, Beta Glucan, Kẽm Gluconat, Lyzine HCl, Aluminium Hydroxide, Bromelain, Immune Path, Vitamin B1, B2, B6, tinh chất men bia cùng phụ liệu vừa đủ.	1,2,3	3g	Uống	Bột uống	Gói	
148	Lactobacillus acidophilus	4	10 ⁸ CFU	uống	Thuốc bột	gói	
149	Lactulose	1,2,3,4,5	10g/15ml	uống	Dung dịch	gói	
150	L-arginin, L-aspartat	4	200mg/1ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	
151	Levodopa + Carbidopa	1,2,3,4,5	250mg + 25mg	Uống	Viên nén	Viên	
152	Levofloxacin	BDG,1	1,50%	tra mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	
153	Levofloxacin	BDG	0.5%	tra mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	
154	Levofloxacin	2	250mg	Uống	Viên nén	Viên	
155	Levothyroxine natri	BDG,1,2,4	50mcg, 75mcg, 100mcg	Uống	Viên nén	Viên	
156	Linagliptin	1,2,4	5mg	uống	Viên nén bao phim	viên	
157	Loratadine	1	10mg	uống		viên	
158	Losartan	1	50mg	Uống	Viên nén	Viên	
159	Lovastatin	4	20mg	Uống	Viên nén	Viên	
160	Macrogol 4000	1	10g	Uống	Bột pha dung dịch uống	Gói	

161	Magnesi hydroxyd + Nhôm Hydroxyd + Simethicon	2	800,4mg + 612mg + 80mg	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	
162	Magnesi sulfat	4	1,5g/10ml	Tiêm, truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Ống	
163	Mecobalamin	1,2,4,5	0,5mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	
164	Meglumin natri succinat	5	6g/400ml	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch truyền tĩnh mạch	chai	
165	Meloxicam	1	15mg/1,5ml	Tiêm		Ống	
166	Metformin	1,2,3,4	1000mg	Uống	Viên nén	viên giải phóng có kiểm soát	
167	Metoclopramide chlorhydrate	1,2,3,4	10mg	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Ống	
168	Methocarbamol	2	750mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
169	Methotrexate	1,2,3,4,5	2,5mg	Uống	Viên nén	Viên	
170	Methyl prednisolon	BDG, 1	40mg	Tiêm	Bột pha tiêm, Dung dịch tiêm	Ống	
171	Methyl prednisolone	BDG, 1	40mg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lọ	
172	Methylcobalamin	1,2,3,4,5	1500mcg	Uống	Viên nén	Viên	
173	Methylen xanh	1,2,3,4,5	20mg	Uống	Viên nén	Viên	
174	Metronidazole	2	250m	uống	Viên nén	viên	
175	Metronidazole	1	500mg/ 100ml	truyền TM	Dung dịch tiêm	chai	
176	Metronidazole + Chlorhexidine	1,2,3,4,5	10mg, 0,25%	Bôi	Gel, Kem bôi ngoài da	Tuýp, lọ	
177	Misoprostol	4	200mcg	Uống	Viên nén	Viên	
178	Mometason furoat	BDG,1,2	50mcg/nhát xịt	Xịt mũi	Thuốc hít định liều/phun mù định liều/thuốc xịt mũi	chai/lọ/hộp	
179	Monobasic Natri Phosphat + Dibasic Natri Phosphat	1	(19g + 7g)/118ml; 133ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Chai	
180	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	4	66ml	thụt hậu môn	Dung dịch thụt trực tràng	lọ	
181	Monobasic Natri Phosphat 19g, Dibasic Natri Phosphat 7g	1	(19g + 7g)/118ml; 133ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Chai	
182	Monobasic Natri Phosphat 9.5g, Dibasic Natri Phosphat 3.5 g	1	66 ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Chai	
183	Moxifloxacin	1	400mg	Truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	
184	Mỗi 118ml dung dịch chứa: Natri dihydrophosphat dihydrat; Dinatri phosphat dodecahydrat	4	21,4 g (18,1% (w/v)); 9,4 g (8% (w/v))/118ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Chai	

185	Mỗi gói chứa: Glucosamin sulfat (trong đường 1185 mg Glucosamin base, dưới dạng D- Glucosamin sulfat.2NaCl) 1500 mg	4	1500 mg	Uống	viên nén sủi	Gói	
186	Natri alginat, Natri bicarbonat, Calci carbonat	4	250,0 mg; 133,5mg; 80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
187	Natri hyaluronate	BDG	20mg/2ml	Tiêm trong khớp	Dung dịch tiêm trong khớp	Ống tiêm	
188	Natri valproat	BDG, 1	200mg	uống	Viên nén	Viên	
189	Natribicarbonat	1,2,3,4,5	5g	Rửa âm hộ	Bột	Gói	
190	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydroclorid); Hydroclorothiazid	4	5 mg, 12,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
191	Neomycin, Dexamethasone, Polymyxin B Sulfateol	1	(1mg + 3500IU + 6000IU)/gram	tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	tube	
192	Nifedipin	1	20mg	uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	viên	
193	Nogestrel+ Etradiol valerate	1,2,3,4,5	0,5mg+2mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	
194	Nước cất	4	5ml	Pha tiêm	Dung môi pha tiêm	ống	
195	Nước cất	4	10 ml	Pha tiêm	Dung môi pha tiêm	ống	
196	Nhôm hydroxyd dạng gel khô: 400mg; Magnesi hydroxyd: 400mg; Simethicon: 40mg.	1,2,3,4,5	400mg + 400mg + 40mg	Uống	Viên nén	Viên	
197	Ofloxacin	1	0.3.%	tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp, lọ	
198	Omega3	4	1000mg	uống	Viên nang mềm	viên	
199	Omeprazol	1	40mg	Tiêm, truyền	Bột đông khô pha dịch truyền tĩnh mạch	Hộp	
200	Omeprazol + natri bicarbonate	1,2,3,4,5	20mg + 1680mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	
201	Omeprazole	1	20mg	uống	Viên nang cứng	viên	
202	Oseltamivir	1	75mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	
203	Osztriol	1	10 ⁸ - 10 ¹⁰ cfu; 0,03mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp	
204	Pantoprazol	1	40mg	Uống	Viên nén	viên	
205	Paracetamol	1	500mg	uống	Viên	viên	

206	Paracetamol	1,2,3,4	1000mg	Truyền	Bột pha tiêm, Dung dịch tiêm	chai, lọ, ống, túi	
207	Paracetamol	1	80mg; 150mg; 300mg	đặt hậu môn	Viên đạn	viên	
208	Paracetamol (Acetaminophen), Tramadol HCL	1	325mg + 37,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
209	Penicillin V	1,2,3,4,5	400000UI; 1000000UI	uống	Viên nén bao phim	viên	
210	Peptides (Cerebrolysin concentrate)	BDG, 1	215,2 mg/ml x 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Ống	
211	Permethrin	1,2,3,4,5	5%	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	
212	Piracetam	1	1200mg	Uống	viên	Ống	
213	Piracetam	1,2	800mg	Uống	Viên nén	Viên	
214	Piracetam	1,2,3,4	400mg	uống	Viên nén	viên	
215	Piribedil	1,2,3,4,5	50mg	Uống	Viên nén	Viên	
216	Pitavastatin	3	2mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	
217	Povidone Iodine	1	1%	Súc họng và miệng	Dung dịch súc họng và súc miệng	Chai	
218	Pramipexole dihydrochloride monohydrate (trung đương 0,18mg pramipexole)	BDG, 1	0,25mg	Uống	Viên nén	Viên	
219	Pramipexole dihydrochloride monohydrate (trung đương 0,26mg pramipexole)	BDG, 1	0,375mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Viên	
220	Pregabalin	1	75mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	
221	Progesterone	1	200mg	Đặt âm đạo, uống	Viên nang mềm dùng uống hoặc đặt âm đạo	Viên	
222	Progesterone	1,2,3,4,5	1%	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	
223	PTU	4	50mg	uống	Viên nén	viên	
224	Phosphatidylserin	1,2,3,4,5	350 mg	Uống	Viên nén	Viên	
225	Phospholipid đậu nành	2	300mg	uống	Viên nang	viên	
226	Phức hợp hydroxyd sắt (III) Polymaltose +Acid folic	4	100mg +1mg	uống	Dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch uống	ống	
227	Rabeprazol natri	5	40mg	Viên nén bao tan trong ruột, uống	Viên nén bao tan trong ruột	Viên	
228	Rabeprazole sodium	1	20mg	uống	Viên nén bao tan trong ruột	viên	
229	Raccadotril	1	10mg	uống	Thuốc bột uống	gói	

230	Ringer lactat	4	500ml	Tiêm, truyền	Dung dịch tiêm	Chai	
231	Rivastigmine	2	1,5mg	uống	Viên nang	viên	
232	Rutin 50mg+ vitamin C 50mg	4	50mg + 50mg	uống	Viên nén	viên	
233	Saccharomyces boulardii	1	100mg	uống	Bột pha hỗn dịch uống	gói	
234	Sài hồ, xuyên khung, khương hoạt, phục linh, nhân sâm, tiền hồ, chỉ xác, độc hoạt, cát cánh, cam thảo	3	600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 300mg	Uống	Siro	Óng	
235	Sài hồ, xuyên khung, khương hoạt, phục linh, nhân sâm, tiền hồ, chỉ xác, độc hoạt, cát cánh, cam thảo	3	600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 300mg	Uống	Siro	Lọ	
236	Salbutamol	1,2,3,4,5	2mg	uống	Dung dịch uống	Gói	
237	Salbutamol + Ambroxol	1,2,3,4,5	(1mg + 15mg)/5ml	uống	Siro	lọ	
238	Salbutamol 100mcg	1,2,3,4,5	100mcg/liều	xịt		lọ	
239	Salbutamol sulphate	BDG,1	2,5 mg	khí dung	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	nang	
240	Salbutamol sulphate	BDG,1	5 mg	khí dung	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	nang	
241	Salmeterol + Fluticason propionat	BDG, 1	25mcg + 125mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình xịt	
242	Salmeterol + Fluticason propionat	BDG, 1	25mcg + 250mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình xịt	
243	Salmeterol + Fluticason propionat	BDG,1	50mcg+250mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Hộp	
244	Sitagliptin + Metformin hydrochloride	3	50 mg + 1000 mg	Uống	viên nén bao phim	viên	
245	Sodium phosphate, monobasic disodium phosphate dodecahydrate, sodium methyl p-oxybenzoate, nước tinh khiết	1,2,3,4,5	120ml	Uống	Viên nén bao phim	viên	
246	Solifenacin succinate	1,2,3,4,5	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
247	Sorbitol	2,4	5g	uống	Thuốc bột	gói	
248	Soya-bean oil + Medium-cha triglycerides	BDG,1	250ml/10%	Truyền	Nhũ tương tiêm truyền	Chai	

249	Spiramycin + Metronidazole	1,2	750000 IU + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	
250	Spironolacton	1,2,4	25mg	uống	Viên nén	viên	
251	Sucralfat	4	1g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch	gói	
252	Sulfametoxazol + Trimethoprim	2	400mg+80mg	uống	Viên nén	viên	
253	Sulpirid	1	200mg	Viên nén, uống	Viên nén	Viên	
254	Tacrolimus	4	0,03%	dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp	
255	Tacrolimus	4	0,10%	dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp	
256	Telmisartan	BDG,1,2,3,4	40mg	Uống	Viên nén, viên nang	Viên	
257	Telmisartan; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate)	1	40mg; 5mg	Uống	Viên nén	viên	
258	Telmisartan; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate)	1	80mg; 5mg	Uống	Viên nén	Viên	
259	Terbinafin	BDG,1	10mg/ 1g	Ngoài da	Kem bôi	tuýp	
260	Terbutalin sulfat, Guaifenesin	1,2,3,4,5	1.5mg+66,5mg	uống	Siro	lọ	
261	Tetracyclin	4	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	
262	Tofisopam	1	50mg	Uống	Viên nén	Viên	
263	Tyrothricin, benzocain, benzalkonium	1	0,5mg; 1,0mg; 1,5mg	Ngậm	viên ngậm	viên	
264	Theophylin	1,2,3,4,5	300mg	Uống	Viên nén	Viên	
265	Thiamazol	1	5mg	uống	Viên nén	viên	
266	Thiamin nitrat; Riboflavi; Nicotinamid; Pyridoxin hydroclorid; Calci pantothenat	1,2,3,4,5	15mg;15mg;50mg;10mg;25mg	Uống	viên	Viên	
267	Thiocolchicosid	4	4mg	uống	viên nang cứng	viên	
268	Thiocolchicosid	1	2mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	
269	Thực địa + Hoài sơn + Trạch tả + Cúc hoa vàng + Hà thủ ô đỏ + Thảo quyết minh + Đương quy + Hạ khô thảo	3	800mg + 800mg + 800mg + 800mg + 800mg + 800mg + 500mg	uống	viên hoàn cứng	túi	
270	Trimetazidine hydrochloride	1	20mg	uống	viên nén	Viên	
271	Ubidecarenon (Coenzym Q10)	4	50mg	uống	viên nang	viên	

272	Vitamin B1 + B6 + B12	4	175mg + 175mg + 125mcg	uống	Viên nén	Viên	
273	Vitamin B1 10mg	1,2,3,4,5	10mg	uống	Viên nén, Viên nang	viên	
274	Vitamin B12	4	1mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	
275	Vitamin B2	1,2,3,4,5	2mg	uống	Viên nén, viên nang	viên	
276	Vitamin H	1,2,3,4,5	5mg, 10mg	uống	Viên	Viên	
277	Vitamin K1+Calcium+Vitamin D3+Phosphorus	1,2,3,4,5	200mg, 154mg, 200ui, 30mg	uống	Viên nén, viên nang	viên	
278	Vitamin PP	4	50mg	uống	Viên nén	viên	
279	Xích đồng nam, Ngây hương, Thục địa, Hoài Sơn, Mẫu đơn bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong	2	Mỗi 50g hoàn cứng chứa: Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương với Xích đồng nam 50g, Ngây hương 50g) 10g; Thục địa 10g; Hoài Sơn 10g; Mẫu đơn bì 8g; Bạch linh 8g; Trạch tả 8g; Mật ong 2g	Uống	Viên hoàn cứng	Gói	
280	Xylometazoline hydrochloride	BDG,1	5mg/10ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Lọ	
281	Xylometazoline hydrochloride	BDG,1	10mg/10ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Lọ	
282	Xylometazoline hydrochloride	BDG,1	5mg/10ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi có phân liều	Lọ	
283	Xylometazoline hydrochloride	BDG,1	10mg/10ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi có phân liều	Lọ	

PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo thư mời ngày 20/05/2025 của bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thuốc như sau:

1. Báo giá cho các thuốc và dịch vụ liên quan

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (đ) có VAT ⁽²⁾	Số GPLH /GPNK	Nơi sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Số QĐ Ngà trún thầu
...															

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày / /2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽³⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú (3)

(2) Đơn giá là giá đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(3) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 3. Mẫu bản cam kết

(Kèm theo thư mời ngày 20/05/2025 của bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Email:.....

Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện như sau:

1. CAM KẾT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- Đảm bảo chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng kí với cơ quan có thẩm quyền.

- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa về hãng sản xuất, nước sản xuất.

- Hạn sử dụng còn lại của thuốc đã kí hợp đồng tính từ thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng 01 năm trở lên, ¼ hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật như báo giá và hợp đồng đã ký kết, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bệnh viện và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện, tương ứng số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

2. CAM KẾT VỀ GIÁ

- Chúng tôi cam kết giá của (các) sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc Bệnh viện là giá thống nhất trên toàn bộ thị trường và thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố/ kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong trường hợp điều chỉnh giá công bố/kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chúng tôi sẽ điều chỉnh giá bán xuống thấp hơn hoặc bằng cho Bệnh viện. Nếu chúng tôi không điều chỉnh giá bán cho Bệnh viện, chúng tôi xin đền toàn bộ phần chênh lệch của giá công bố/kê khai và giá bán cho Bệnh viện tính từ thời điểm điều chỉnh.

3. CAM KẾT CUNG ỨNG SẢN PHẨM

- Cung cấp kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc Bệnh viện.

- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm thu hồi thuốc trong trường hợp đã giao hàng nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời thay thế lô hàng khác cho đơn vị y tế.

- Cam kết cung cấp đầy đủ phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng ở mỗi lần nhập.

- Trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận thuốc phải đảm bảo đúng các yêu cầu về điều kiện bảo quản ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý các thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện./

**Đại diện hợp pháp của doanh
nghiệp**

(Ký tên, đóng dấu)